**PHÉP CHIA HẾT VÀ PHÉP CHIA CÓ DƯ**

**TOÁN**

**-- 52 --**

**(TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết phép chia hết và phép chia có dư, biết số dư bé hơn số chia.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phụ vụ cho tiết dạy. Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép chia hết và phép chia có dư.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5’)**  - Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành:  - GV tổ chức trò chơi “ Chia đều”- chơi nhóm đôi  + Hãy lấy số bút có trong hộp bút của 1 bạn trong nhóm chia đều cho 2 bạn.  + Nếu số bút mà không còn dư thì nhóm đó báo cáo “đã chia hết”, nếu chia mà bút còn dư thì nói “chia còn dư”  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Hoạt động thực hành, luyện tập**: **(12-15’)**  **-** Mục tiêu: Nhận biết phép chia hết và phép chia có dư, biết số dư bé hơn số chia. Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết tình huống gắn với thực tế.  **-** Cách tiến hành:  **2.1. Phép chia hết (Làm việc nhóm đôi)**  - GV yêu cầu HS lấy ra 8 hình vuông thực hành chia đều cho 2 bạn.    - GV hỏi:  + Mỗi bạn được chia mấy hình vuông?  + Hãy nêu phép tính tìm số hình vuông của mỗi bạn?  + Khi chia đều 8 hình vuông cho 2 bạn thì còn dư hình vuông nào không?  - GV kết luận: Phép chia 8 : 2 có thương là 4, số dư là 0. Đây là phép chia hết.  - GV ghi bảng: 8: 2 = 4  **2.2. Phép chia có dư (Làm việc nhóm đôi)**  - GV yêu cầu HS lấy ra 9 hình vuông thực hành chia đều cho 2 bạn.    - GV hỏi:  + Mỗi bạn được chia mấy hình vuông?  + Hãy nêu phép tính tìm số hình vuông của mỗi bạn?  + Khi chia đều 9 hình vuông cho 2 bạn thì còn dư hình vuông nào không?  - GV kết luận: Phép chia 9 : 2 có thương là 4, số dư là 1. Đây là phép chia có dư.  - GV ghi bảng: 8: 2 = 4 ( dư 1). Đọc là: Chín chia hai bằng 4 dư 1.  - GV chốt lại kiến thức: Phép chia 8 : 2 = 4 là phép chia hết. Phép chia  9 : 2 = 4 dư 1 là phép chia có dư.  - GV hỏi:  + Theo em phép chia hết và phép chia có dư khác nhau ở điểm nào?  **2. Hoạt động thực hành, luyện tập**: **(15-20’)**  **-** Mục tiêu:  + Củng cố thực hành đặt tính và tính các  phép chia hết và phép chia có dư.  + Nhận biết được số dư phải bé hơn số chia.  **-** Cách tiến hành:  **Bài 1/T74**  a. GV yêu cầu HS tự làm bài.  - Gọi HS nêu kết quả.  - Gọi HS đọc phép tính.  - GV nhận xét, kết luận đúng.  b. Tiến hành tương tự phần a.  - HS làm bài và nêu kết quả.  - GV chốt đúng.  *\* GV lưu ý HS:*  + Có thể sử dụng đồ dùng trực quan để hỗ trợ tìm thương và số dư trong phép chia có dư. (lấy ra 11 hình vuông, chia đều cho 2 bạn. Mỗi bạn được 5 hình vuông, còn dư 1 hình vuông)  + Dựa vào các phép tính trong các bảng chia đã học để tìm thương và số dư trong phép chia có dư:  10 : 2 = 5  11 : 2 = 5 (dư 1)  **3. Hoạt động vận dụng: (7’)**  - Mục tiêu:  + Củng cố lại về phép chia hết và phép chia có dư, biết số dư luôn bé hơn số chia.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  - Cách tiến hành:  - GV yêu cầu HS lấy đồ dùng học tập thực hiện tương tự với các trường hợp khác rồi viết phép chia tương ứng.  - Gọi HS đọc phép chia mình thực hiện được.  - GV hỏi:  + Phép chia em thực hiện được là phép chia hết hay phép chia có dư?  + Em có nhận xét gì khi so sánh số dư và số chia trong các phép chia có dư?  \* GV chốt: Phép chia hết là phép chia có số dư bằng 0. Phép chia có dư là phép chia có số dư khác 0.Trong phép chia có dư số dư luôn bé hơn số chia.  - GV gọi HS nhắc lại nội dung bài học.  **4. Củng cố, dặn dò: (3’)**  - GV nhận xét tiết học, nhắc nhở học sinh. | - HS tham gia trò chơi.  + Các nhóm thực hành lấy bút trong hộp chia đều cho 2 bạn trong bàn.  + Trả lời  - HS lắng nghe.  - HS thực hành chia đều 8 hình vuông cho 2 bạn.  - HS trả lời:  + Mỗi bạn được 4 hình vuông.  + Phép tính tìm số hình vuông của mỗi bạn: 8 : 2= 4  + Không còn dư hình vuông nào.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát.  - HS thực hành chia đều 8 hình vuông cho 2 bạn.  - HS trả lời:  + Mỗi bạn được 4 hình vuông, còn dư 1 hình vuông.  + Phép tính tìm số hình vuông của mỗi bạn: 9 : 2  + Còn dư lại 1 hình vuông.  - HS lắng nghe.  - HS quan sát và nhắc lại.  - HS lắng nghe.  - HS trả lời:  + Phép chia hết là phép chia có số dư bằng 0. Phép chia có dư là phép chia có số dư khác 0.  - HS nêu yêu cầu của bài  - HS tự làm bài vào vở  a. HS nêu kết quả: Phép chia 11 : 2 có thương là 5, số dư là 1. Đây là phép chia có dư  + 2 HS đọc: Mười một chia hai bằng năm dư một”  + HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  b. Phép chia 17 : 3 có thương là 5, số dư là 2. Đây là phép chia có dư  - HS theo dõi.  - HS thực hiện các trường chia khác như:  + Chia số bút màu em có thành 3 phần.  + Chia số vở trong cặp em thành 4 phần.  - HS đọc các phép chia mình thực hiện được:  Ví dụ: 7: 2 = 3 (dư 1)  8 : 3 = 2 (dư 2)  9: 3 = 3  .....  - HS trả lời:  - Phép chia đó là phép chia hết (có dư)...  - Trong phép chia có dư số dư luôn bé hơn số chia.  - HS nhắc lại. |

**Điều chỉnh sau bài dạy:**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Giáo án Toán lớp 3 (Cánh diều): Phép chia hết và phép chia có dư**

**TIẾT 1**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

- Nhận biết phép chia hết và phép chia có dư, biết số dư bé hơn số chia.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

**2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học. Biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tích cực trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy. Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép chia hết và phép chia có dư.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động**  - Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  - Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi “ Chia đều”- chơi nhóm đôi  + Hãy lấy số bút có trong hộp bút của 1 bạn trong nhóm chia đều cho 2 bạn.    + Nếu số bút mà không còn dư thì nhóm đó báo cáo “đã chia hết”, nếu chia mà bút còn dư thì nói “chia còn dư”  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi.  + Các nhóm thực hành lấy bút trong hộp chia đều cho 2 bạn trong bàn.  + Trả lời    - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá**  **-**Mục tiêu: Nhận biết phép chia hết và phép chia có dư, biết số dư bé hơn số chia. Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết tình huống gắn với thực tế.  **-**Cách tiến hành: | |
| **2.1. Phép chia hết (Làm việc nhóm đôi)**  - GV yêu cầu HS lấy ra 8 hình vuông thực hành chia đều cho 2 bạn.  Giáo án Toán lớp 3 (Cánh diều 2023): Phép chia hết và phép chia có dư (ảnh 1)  - GV hỏi:  + Mỗi bạn được chia mấy hình vuông?  + Hãy nêu phép tính tìm số hình vuông của mỗi bạn?  + Khi chia đều 8 hình vuông cho 2 bạn thì còn  dư hình vuông nào không?  - GV kết luận: Phép chia  8 : 2 có thương là 4, số dư là 0. Đây là phép chia hết.  - GV ghi bảng: 8 : 2 = 4  **2.2. Phép chia có dư (Làm việc nhóm đôi)**  - GV yêu cầu HS lấy ra 9 hình vuông thực hành chia đều cho 2 bạn. | - HS thực hành chia đều 8 hình vuông cho 2 bạn.          - HS trả lời:  + Mỗi bạn được 4 hình vuông.  + Phép tính tìm số hình vuông của mỗi bạn: 8 : 2 = 4  + Không còn dư hình vuông nào.  - HS lắng nghe.    - HS quan sát.    - HS thực hành chia đều 8 hình vuông cho 2 bạn.            - HS trả lời:  + Mỗi bạn được 4 hình vuông, còn dư 1 hình vuông.  + Phép tính tìm số hình vuông của mỗi bạn: 9 : 2  + Còn dư lại 1 hình vuông.  - HS lắng nghe.    - HS quan sát và nhắc lại.      - HS lắng nghe.  - HS trả lời:  + Phép chia hết là phép chia có số dư bằng 0. Phép chia có dư là phép chia có số dư khác 0. |